

# BÀI 4: THẦN HỌC LUÂN LÝ CỦA THÁNH AN-PHONG ĐỆ LIGÔRIA

*Dịch thuật :Lm Dominic Trần Quốc Bảo, DCCT*

*(tiếp theo kỳ trước )*

## SỰ XUNG ĐỘT GIỮA NHỮNG HỌC THUYẾT LUÂN LÝ

Giữa những học giả, đã có hàng loạt quan điểm về những gì được phép hay bị cấm đoán, hay nói cách khác, về những gì các cha giải tội có thể hay không thể yêu cầu các hối nhân. Khi điều tốt và cần thiết được xác định rõ ràng, ta có được lương tâm luân lý chắc chắn. Nhưng trong các trường hợp nghi hoặc, lương tâm phải được hướng dẫn để tính toán xác suất đúng hay sai trong ý kiến phò hay chống. Do đó, đã phát sinh thuyết xác-xuất (probabilism).

Linh mục Bartolomeo Medina (1580), Dòng Đa-minh Tây ban nha, đã định nghĩa thuyết xác suất như sau:

*Nếu một ý kiến có xác suất đúng, thì việc theo đuổi ý kiến đó là hợp lệ (được phép), mặc dù ý kiến đối ngược có xác suất đúng hơn... Mọi ý kiến xây dựng trên những suy luận hợp lý hoặc dựa trên uy quyền chính thức thì đều có xác suất đúng. Những ý kiến ấy có thể được thi hành mà không sợ nguy cơ phạm tội.*

Tại sao như thế? Bởi vì chúng ta không thể bắt buộc ai toàn thiện. Thuyết xác-xuất-cách không nhằm đào sâu sự thật, nhưng nhằm tìm kiếm sự an ổn lương tâm. Một chiếc cầu được xây dựng tốt là an toàn, mặc dù chiếc cầu khác thì cứng cáp hơn. Cũng thế, một ý kiến có xác suất đúng là an toàn, ngay cả khi ý kiến đối ngược có xác suất đúng hơn.

Dĩ nhiên, nhiều nhà luân lý trong thượng bán thế kỷ 17 đã bị rơi vào con đường trơn trượt. Họ thường tuyên bố về một vài ý kiến rằng đó là ‘khả tín’, trong khi các ý kiến ấy đáng nghi ngờ vì được căn cứ trên hình thức hơn là trên lý luận khả tín. Để thoát khỏi những sự khe khắt của luật lệ, thay vì chấp nhận ‘những ý kiến có xác suất đúng và khả tín’ theo thuyết của Medina, thì các nhà luân lý này lại tán đồng những ý kiến ‘ít có xác suất đúng’, ‘may ra có xác suất đúng’, hoặc

ngay cả ‘không có xác xuất đúng’. Và điều ấy đã tạo ra cho đời sống Kitô hữu một sự ngã đổ về chủ nghĩa phóng túng (laxism).

Từ năm 1649, những lạm dụng của chủ nghĩa phóng túng trên đã tạo nên một phản ứng khắt khe. Trên nguyên tắc, phản ứng này hữu lý; nhưng trong thực tế, nó lại trở nên bất cập, và dẫn đến một hướng sai lạc khác. Blaise Pascal, trong *Những Bức thư Tỉnh hội* (1656), đã lớn tiếng cảnh báo chống lại thuyết lương tâm theo nó, thuyết xác xuất, và các tu sĩ Dòng Tên, những điều mà ông gom chung thành ‘một đống xấu xa hỗn độn’.

Thật ra, đồng hóa thuyết xác-xuất luân lý của Dòng Tên với chủ nghĩa phóng túng là một sự ngớ ngẩn bất nhẫn. Chính thánh An-phong tin rằng ‘đầu đàn của chủ nghĩa phóng túng’ chính là Jean Caramuel (1682), một đan sĩ Dòng Xitô. Hơn nữa, người ta cực lực phản kháng chủ nghĩa phóng túng bởi vì họ bị kích động cách mù quáng bởi lạc thuyết của bè hà khắc Jansen.

Bè Jansen là ai? Năm 1640, xuất hiện một cuốn sách lớn tựa đề *Augustinus*, được viết mấy năm trước đó bởi giáo sư đại học Louvain là Cornelius Jansen (1638). Tác phẩm này bàn về giáo thuyết của thánh Augustinô liên quan đến vấn đề Ân sủng. Ông giáo sư thông thái và bất hạnh này (qua đời khi là giám mục địa phận Ypres) luôn nghi hoặc về sự cứu rỗi của mình, và hằng nghĩ rằng Thiên chúa là Đáng hiem ác, chuyên chế. Ông mang tâm trạng u ám khi đọc các tác phẩm của thánh Augustinô, một người thật ra hay bi quan về mọi sự. Jansen bị nhập tâm về tất cả mọi đề xuất bi quan nhất của Augustinô như: ý chí tự do không có, cho nên con người không thể làm điều gì tốt; chỉ có Ân sủng mới tác động; hơn nữa, Chúa Kitô không chết cho mọi người; phần lớn nhân loại bị kết án, và Thiên chúa chỉ chọn lựa các linh hồn ưu tuyển để ban phúc cứu rỗi vĩnh hằng, còn các linh hồn khác thì không được.

Một người bạn của Jansen là Duvergier de Hauranne, đan viện trưởng tại Saint Cyran (1643), đã nhồi nhét chủ thuyết bi thảm này vào đầu các hồi nhân của ông là những nữ tu ở Port-Royal-des-Champs tại Paris. Thế là các nữ tu ấy, cùng với các ẩn sĩ tại Port-Royal, đã trở nên những người theo tư tưởng Jansen.

Qua tư tưởng thần học về một Thiên chúa bất cập, luôn canh giữ Thiên đàng cách ganh tương như thế, chủ thuyết Jansen gây nên sự bối rối, tạo nỗi ám ảnh về luật Chúa, yêu sách sự tinh tuyền như các thiên thần, và làm tín hữu hải sợ đến nỗi phải từ chối các bí tích của Chúa. Nói tóm lại, nó dẫn đến hậu quả là sự hình thành chủ nghĩa luân lý và mục vụ khắt khe, chỉ dành riêng cho các ‘tâm hồn cao trọng’.

Cha Vereecke viết rằng:

*Bè Jansen đã giảng dạy điều gì trong thần học luân lý? Bỏ qua đặc nét của mỗi tác giả (bè Jansen), chúng ta có thể ghi nhận nền thần học luân lý của họ như sau. Nguồn mạch duy nhất cho đời sống Kitô hữu là Truyền thống,*

nghĩa là, Kinh thánh. (Kinh thánh ở đây) được diễn giải duy nhất theo những quy tắc của các giáo phụ, nhất là thánh Augustinô. Thánh ý Chúa (được coi) là biểu lộ qua Truyền thông ấy, cũng như qua lương tâm Kitô hữu nào đã được soi sáng bởi Thánh linh. Tất cả nền luân lý hệ tại nơi việc nhận biết thánh ý Chúa. Luân lý bè Jansen luôn là một bước nhảy vọt của đức tin đến tận Thiên chúa bởi vì (họ cho rằng) lý trí đã bị bại hoại bởi tội nguyên tổ, và nó không bao giờ nhận biết thật sự luân lý, cũng như không thể nhận biết tín lý. Tất cả sự mê muội và sai lầm trong lãnh vực luân lý là hậu quả trực tiếp của tội nguyên tổ cũng như sự thiếu đức tin trong lương tâm. Sự xung đột duy nhất là sự xung đột giữa bản chất hư hỏng (của nhân loại) và thánh ý Thiên chúa; và việc hoá giải xung đột ấy là dĩ nhiên. Như vậy, chủ thuyết Jansen khước từ thuyết xác-xuất luân lý như một thứ ‘luân lý của bè Pelagianus’ (dựa vào ý chí cá nhân); họ chủ trương thiết lập chủ nghĩa luân lý ‘Tuyệt đối Chắc chắn’ (Absolute Tutorism). Lời Chúa, như Hội thánh sơ khai đã hiểu, được áp dụng với một sự khắc nghiệt sắt đá, không cần quan tâm đến những yếu tố như: thời gian, hoàn cảnh. Đó là chủ trương luân lý của bè Jansen.<sup>1</sup>

Ta ghi nhớ rằng những nguồn thư liệu của chủ nghĩa luân lý Jansen hoàn toàn chỉ là Kinh thánh, giáo phụ học và thần bí học. Họ tẩy chay lý trí, kinh nghiệm, và những nghiên cứu của các tác giả mới. Điều này đối ngược với cung cách của thánh An-phong, đặt lý trí và kinh nghiệm lên hàng ưu tiên, và đáng thậm chí còn khác với thánh Tôma Aquinô nhờ cứu xét các tác giả sau công đồng Tridentinô. Mặc dù thánh An-phong luôn dùng Kinh thánh để soi sáng các phạm trù khác, ngài hiếm khi dùng Kinh thánh để giải quyết các náo loạn lý lương tâm.

Khi mới được phát hành, cuốn *Augustinus* đã tạo nên sự phản đối cực lực của các học giả Dòng Tên ở Louvain; và chẳng bao lâu, mọi nơi cũng phản ứng mạnh mẽ. Tuy thế, sách ấy lại được đề cao bởi các giám mục, các Dòng tu (Dòng Oratorio của Bérulle, Dòng Đa-minh, các Dòng Camêlô), và các giáo sư đại học. Giáo triều Roma lập đi lập lại việc kết án chủ thuyết Jansen vào các năm 1641, 1647, 1653, đặc biệt qua sắc chỉ của Đức giáo hoàng *Unigenitus* vào năm 1713. Nhưng những kết án ấy chỉ làm ‘bệnh trạng’ lây lan khắp Âu châu, đổ dầu thêm

---

<sup>1</sup> Tham khảo Louis COGNET, *Chủ thuyết Jansen*, từ sách “*Que sais-je?*”, Paris 1961; J. DELUMEAU, *Giáo thuyết Công giáo thời giữa Luther và Voltaire: Cái nhìn mới về Chống Thệ phản*, London & Philadelphia 1977, tr. 99-128.

vào ngọn lửa của hội chứng bài Rôma, và phát sinh thêm nhiều tranh chấp giữa các nhóm Công giáo.<sup>2</sup>

Thật vậy, giới Công giáo lúc đó bị chia làm hai lập trường, hai trường phái. Một bên là những người ưu tiên quan tâm quyền cai trị tối thượng của Thiên chúa, sự toàn năng, quyền lợi, và luật lệ của Ngài. Với những người này, Thiên chúa là tất cả, thực hiện tất cả, và có thể làm mọi sự. Con người không là gì, chẳng làm được gì, và không thể làm được chi. Bên kia là những người muốn đề cao nhân loại được ‘tạo thành theo hình ảnh của Thiên chúa’, có lý trí, ý chí và tự do.

Những người theo tư tưởng thánh Tôma Aquina, các tu sĩ Đa-minh, Giáo triều, và đa số các giám mục cùng chủng sinh bị ảnh hưởng lý luận của thuyết Jansen và hợp thành trường phái thứ nhất. Các tu sĩ Dòng Tên, những người theo thánh Inhaxiô Loyala và nhà thần học Tây ban nha Luis Molina (1535-1600) lập nên trường phái thứ hai. Để đơn giản hóa, ta có thể gọi hai nhóm này là trường phái Tôma và trường phái Môlinô.

Trường phái Tôma tự phong cho mình vai trò hiệp sĩ bảo vệ quyền cai trị tối thượng của Thiên chúa. Theo tư tưởng thần học của họ, ơn sủng hoàn tất mọi sự. Trong nền luân lý của họ, khi có sự nghi ngờ, ta luôn phải dựa vào ý kiến có xác xuất đúng nhất (*probabilior*), hoặc chính xác và chắc chắn nhất (*tutior*). Điều đó nghĩa là, phải đứng về phía của lẽ luật. Vì thế họ là những người theo chủ nghĩa đại-xác-xuất (*probabiliorism*), thường xuyên biến thành chủ nghĩa đại-xác-cách (*tutiorism*). Họ luôn luôn là những người có khuynh hướng hà khắc (*rigorism*).

Nhóm đối lập, trường phái Môlinô, tin rằng, dù sao, Thiên chúa hoàn toàn thông dong để cho con người tham dự vào quyền cai trị tối thượng của Ngài. Những nỗ lực của con người phải hợp tác với ân sủng của Thiên chúa trong việc cứu rỗi. Theo nền luân lý của phái Môlinô, thánh ý Chúa muốn cho sự tự do của con người có quyền hạn riêng. Ta có thể khước từ lẽ luật và chọn lựa một ý kiến có xác xuất đúng (*probabilis*). Vì thế, những người trong phái Môlinô là những người theo chủ nghĩa xác-xuất-cách (*probabilism*). Họ có tinh thần thông dong, và thường bị kết án là theo chủ nghĩa phóng túng (*laxism*).

Hạ bán thế kỷ 17 đã chứng kiến bè phóng túng phát triển hầu như mọi nơi. Mặc dù đã bị liệt vào Cẩm thư Danh bạ (*Index*) và bị kết án hỏa ngục, cả hai cuốn *Augustinus*, và sau này cả *Các Bức thư Tỉnh hội* nữa, đã thành công trong việc truyền bá chủ nghĩa hà khắc của Jansen. Đó là vì, không khí giáo triều đã thổi một luồng cuồng phong nhất nhiệm để mạnh mẽ sửa đổi tình trạng buông thả phát sinh từ thời Phục hưng. Đức giáo hoàng Alexandrô VII vào những năm 1665 và 1666, cũng như Đức giáo hoàng Innôcentô XI vào năm 1679, đã thành công trong việc bóp nghẹt chủ nghĩa phóng túng với các án lệnh. Ngoài ra, Đức Innôcentô XI hầu như đã tống một cú chí tử cho chủ nghĩa xác-xuất khi ngài nhấn mạnh lời tuyên bố

---

<sup>2</sup> L. VEREECKE, tr. 575-576.

sau đây trong bản kết án đặc biệt : “*Ta cho rằng, khi một quan án có thể phán quyết dựa theo một ý kiến ít có xác xuất đúng, thì việc đó mơ hồ*”.<sup>3</sup> Sau đó, ngài đã thu xếp cho nhà luân lý đại-xác-xuất người Tây ban nha là cha Tyrso Gonzalez (1705) được bầu làm bề trên tổng quyền Dòng Tên. Rồi ngài giao phó cho cha trách vụ áp đặt chủ trương đại-xác-xuất trên mọi tu sĩ Dòng Tên.

Tuy vậy, Đức giáo hoàng Alexandrô VIII, đáng kể vị Đức Innôcentô XI, đã can thiệp để bảo đảm rằng xác-xuất-thuyết không bị triệt tiêu hoàn toàn. Năm 1690, ngài kết án nhiều đề xuất của chủ nghĩa Jansen cũng như thuyết đại-xác-cách. Cha bề trên tổng quyền mới của Dòng Tên Tyrso Gonzalez “*đã toi công trong nỗ lực của mình; và suốt thế kỷ 17, nhiều tu sĩ Dòng Tên vẫn trung thành với thuyết xác-xuất-cách quân bình (khi) thuyết này đã được lột bỏ khuynh hướng phóng túng và những ý kiến nguy hại*”.<sup>4</sup>

Nhưng, do “*những quyền tự trị của hội thánh Pháp giáo*” tại nước Pháp, sắc chỉ toà thánh năm 1690 vẫn chỉ là một văn thư vô nghĩa tại vùng Bắc dãy núi Alps. Một hội nghị các giáo sĩ Pháp hình thành tại Saint Germain năm 1700 để kết thúc ‘*đại thế kỷ*’ bằng một bản kết án mọi hình thức của thuyết xác-xuất-cách. Án lệnh này được thực hiện không một sự kháng cáo, không một lời ca thán, dù thầm kín. Các giám mục, giáo sư chủng viện, các nhà thuyết giảng và các cha giải tội trong và ngoài nước Pháp, ngay cả tận nơi xa xăm như Canada, nghĩ rằng vinh quang Thiên chúa đòi hỏi các cha giải tội phải tìm ra tội lỗi mọi nơi mọi chỗ, đồng thời đối xử với hối nhân cách khắt khe. Ví dụ, việc sinh lý vợ chồng bị coi là đáng tội, trừ phi việc ấy được công chính hoá với ý định truyền sinh, hoặc với lý do người chồng (ít khi người vợ) đòi hỏi quyền giao hợp phối ngẫu. Cách trị liệu đề ra cho hối nhân là từ chối ơn xá giải, và do đó, cũng từ chối việc rước lễ. Người ta sợ rằng quá nguy hiểm nếu để thuốc men trong tầm tay của bệnh nhân khiến họ lạm dụng!

*Trước khi Thánh An-phong vào cuộc, tình trạng thần học luân lý ra sao? Thuyết xác-xuất-cách, thường bị coi là chủ nghĩa phóng túng, dĩ nhiên phải mai ẩn. Khuynh hướng hà khắc, trong khi tự cho là diễn tả những đòi hỏi tuyệt đối của Tin mừng, được áp đặt bởi các mục tử linh hồn; nó khóa chặt mọi tín hữu trong ngục tù ngọt ngào và lạnh lẽo. Nhưng, nổi cộm hơn hết là sự hoang mang tràn lan mọi nơi. Những ý kiến có xác xuất đúng, đúng hơn, đúng kém, đúng như nhau, có thể đúng, cứ đối kháng và khai trừ lẫn nhau. Các mục tử linh hồn, và hơn nữa, chính các linh hồn, bị lạc*

<sup>3</sup> D.S., 2102.

<sup>4</sup> L. VEREECKE, “*Thần học luân lý từ công đồng Tridentinô tới thời thánh An-phong đệ Ligôria*”, trong *Studia Moralia* 25 (1987):19.

*lối trong rừng rậm ý kiến. Ở cuối chân trời, người ta chỉ còn mơ hồ nhìn thấy những chọn lựa căn bản giữa tội lỗi và ơn thánh, những sự chọn lựa người Kitô hữu phải có trong tương quan với Thiên chúa và thế gian.*

*Trong tất cả sự hoang mang này, có cách nào thiết lập một nền thần học luân lý không phản bội những đòi hỏi đích thực của Tin mừng, và đồng thời, cũng quan tâm đến những hoàn cảnh mà cá nhân và cộng đoàn Kitô hữu phải đối diện? Đó là chính là thách đố trong những tranh biện chung quanh vấn đề thần học luân lý. Đó chính là vấn nạn nền tảng mà thánh An-phong nỗ lực giải đáp trong tác phẩm Thần học Luân lý (Theologia Moralis) của ngài.<sup>5</sup>*

**(Còn tiếp)**

---

<sup>5</sup> L. VEREECKE, tr. 578-579.